

Số: 57/2024/QĐST-HNGĐ

Lạc Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 20, Phố Hữu Nghị, Thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Phố Vó, xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Thanh T và anh Nguyễn Khắc T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh T và anh Nguyễn Khắc T1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tâm A, sinh ngày 23/02/2023 cho chị Bùi Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Bùi Thị Thanh T chưa yêu cầu anh Nguyễn Khắc T1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Khắc T1 chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Thị Thanh T.

Anh Nguyễn Khắc T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản, công nợ chung:

2.3.1. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thanh T, anh Nguyễn Khắc T1 thỏa thuận chia đôi khối tài sản chung của vợ chồng, cụ thể:

a) Anh Nguyễn Khắc T1 được sở hữu sử dụng các loại tài sản sau:

- 02 điều hoà Samsung 13000, giá trị hiện tại: $3.000.000^d / 1 \text{ cái} \times 2 \text{ cái} = 6.000.000^d$
(Sáu triệu đồng)

- 01 bộ cửa kính thủy lực 2 cánh, giá trị hiện tại: $5.000.000^d$ (Năm triệu đồng)

- 01 cửa cuốn cơ, giá trị hiện tại: $2.000.000^d$ (Hai triệu đồng)

- 02 máy phô tô, giá trị hiện tại: $15.000.000^d / 1 \text{ cái} \times 2 \text{ cái} = 30.000.000^d$ (Ba mươi triệu đồng)

- 01 bộ máy vi tính, giá trị hiện tại: $3.000.000^d$ (Ba triệu đồng)

Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn Khắc T1 được sở hữu sử dụng là $46.000.000^d$ (Bốn mươi sáu triệu đồng).

b) Chị Bùi Thị Thanh T được sở hữu sử dụng các loại tài sản sau:

- 03 khung giá sắt tam cấp, giá trị hiện tại: $500.000^d / 1 \text{ cái} \times 3 \text{ cái} = 1.500.000^d$ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)

- 02 giá lắp ghép 1 mặt, giá trị hiện tại: $500.000^d / 1 \text{ cái} \times 2 \text{ cái} = 1.000.000^d$ (Một triệu đồng).

- 01 giá sắt cao thấp, giá trị hiện tại: 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng)

- 04 giá sắt thẳng, giá trị hiện tại: $200.000^d / 1 \text{ cái} \times 4 \text{ cái} = 800.000^d$ (Tám trăm nghìn đồng)

- 01 giá lắp ghép hai mặt, giá trị hiện tại: 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng)

- 01 giá lắp ghép một mặt, giá trị hiện tại: 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng)

- 02 ghế đá xi măng, giá trị hiện tại: $300.000^d / 1 \text{ cái} \times 2 \text{ cái} = 600.000^d$ (Sáu trăm nghìn đồng)

- 02 tủ kính 2 tầng, giá trị hiện tại: $500.000^d / 1 \text{ cái} \times 2 \text{ cái} = 1.000.000^d$ (Một triệu

đồng)

- 04 chậu xi măng cảnh to, giá trị hiện tại: $200.000^d / 1 \text{ chậu} \times 4 \text{ chậu} = 800.000^d$ (Tám trăm nghìn đồng)

- 06 chậu xi măng cảnh nhỏ, giá trị hiện tại là: $100.000^d / 1 \text{ chậu} \times 6 \text{ chậu} = 600.000^d$ (Sáu trăm nghìn đồng)

- 01 ghế ngồi xoay, giá trị hiện tại: 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng)

- 01 bếp ga + bình ga, giá trị hiện tại là: 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng)

- 01 chuồng chó có mái khung sắt B40, giá trị hiện tại là: $1.000.000^d$ (Một triệu đồng)

- Các mặt hàng văn phòng phẩm bao gồm: Bút, sách, gấu bông, khung ảnh, giấy dép, mũ cối, mũ thời trang, ô dù, túi xách, ba lô, mũ bảo hiểm, đồng hồ báo thức, giấy a4, giấy in ảnh, hàng sên (móc khoá, cặp tóc, nước hoa, dây buộc tóc, bộ bấm móng tay...), tổng giá trị hiện tại của các mặt hàng là: $30.000.000^d$ (Ba mươi triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản chị Bùi Thị Thanh T được sở hữu sử dụng là $39.000.000^d$ (Ba mươi chín triệu đồng).

c) Anh Nguyễn Khắc T1 phải thanh toán trả cho chị Bùi Thị Thanh T số tiền $3.500.000^d$ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), đây là tiền chênh lệch về chia tài sản chung của vợ chồng.

2.3.2. Về công nợ chung: Không có, vợ chồng ly hôn chị Bùi Thị Thanh T, anh Nguyễn Khắc T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh T thỏa thuận nhất trí nhận nộp 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp $1.062.500^d$ (Một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự về chia tài sản chung. Tổng số tiền chị T phải nộp là $1.212.500^d$ (Một triệu hai trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là

2.300.000^d (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002282 ngày 29/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chị Bùi Thị Thanh T còn được hoàn trả lại 1.087.500^d (Một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng)

Anh Nguyễn Khắc T1 phải nộp tiền án phí dân sự chia tài sản chung là 1.062.500^d (Một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND Thị trấn Vụ Bản (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 30/3/2023)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu AV.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thị Hà